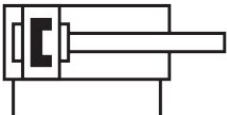


Xylanh đẹt DZF-11/16"- -A-P-A

Số bộ phận: 162973



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình	0.04 in...8 in
Ø pít tổng	11/16" đường kính tương đương
Ren thanh pít tổng	5/16-24 UNF-2A
Góc xoay tối đa của thanh piston +/-	1.2 °
Đệm	Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Cấu trúc xây dựng	Pít tổng Cần piston
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Các biến thể	thanh pít-tổng một mặt
Bảo vệ chống xoay/dẫn hướng	Pít-tổng bầu dục
Áp suất vận hành	0.1 MPA...1 MPA 1 bar...10 bar
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-4 °F...176 °F
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	0.074 ft-lbf
Mô-men xoắn cực đại của thiết bị chống quay	1.77 in-lbf
Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi	27.7 LBF
Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống	34.4 LBF
Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm	24 g
Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 inch	0.85 oz
Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm	4 g
Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 1 inch	0.36 oz
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm	13 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 1 inch	1.16 oz
Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm	107 g
Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 inch	3.77 oz

Đặc tính	Giá trị
Kiểu gắn	tùy ý: với ren trong với phụ kiện
Cổng nối khí nén	10-32 UNF-2B
Vật liệu phủ	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu của phốt	NBR TPE-U (PU)
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu con dấu piston	NBR
Vật liệu thanh piston	thép không gỉ hợp kim cao